

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỨC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2138/ BVĐKĐG-VTTB

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

V/v : Mời chào giá cung ứng vật tư chấn thương
chỉnh hình

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp vật tư y tế tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Đức Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm **Vật tư chấn thương chỉnh hình** ;

Bệnh viện kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh có khả năng cung cấp, quan tâm chào giá, với nội dung cụ thể như sau :

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá : Bệnh viện Đa khoa Đức Giang - Số 54 phố Trường Lâm, phường Việt Hưng, TP Hà Nội.
2. Mọi thông tin cần liên hệ về báo giá : Đ/c Nguyễn Thị Phương Dung – Phòng Vật tư thiết bị y tế - ĐT : 0912545546 hoặc số 0243.8711751 để được hỗ trợ.
3. Báo giá (Theo mẫu phụ lục II, III đính kèm)

Báo giá được tiếp nhận theo các hình thức sau :

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ : Bộ phận Văn thư – Tầng 1 nhà A, Bệnh viện Đa khoa Đức Giang - Số 54 phố Trường Lâm, P. Việt Hưng, TP Hà Nội.
- Nhận qua Email : vttbytducgiang@gmail.com. (gồm cả file scan đóng dấu và file mềm)

4. Thời gian tiếp nhận báo giá : Từ 08h ngày 14 tháng 8 năm 2026 đến trước 17h ngày 24 tháng 8 năm 2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu . 90 ngày (Ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày kể từ ngày 24 tháng 8. năm 2026).

II. Nội dung yêu cầu báo giá :

1. Danh mục vật tư y tế (Kèm theo phụ lục I)

2. Yêu cầu khác :

2.1 Báo giá

- Ghi rõ tên người liên hệ và số điện thoại.
- Gửi kèm báo giá bản excel file mềm với Nội dung:

Sheet 1 – Nội dung Phụ lục II

Sheet 2 – Nội dung Phụ lục III

- Đặt tên File theo cấu trúc: Tên Công ty cung cấp _Báo giá Gói 11

2.2 Các tài liệu tham chiếu

- Đề nghị Highlight các thông tin tham chiếu tương ứng trong bảng đáp ứng kỹ thuật.
- Tài liệu tham chiếu file mềm gửi qua email vttbytducgiang@gmail.com và Lưu thành từng file cho từng danh mục.

Ghi chú : *Bệnh viện khuyến khích các nhà cung cấp tham gia báo giá các hàng hóa có cùng hoặc tương đương về tính năng, công năng sử dụng; Cấu hình, thông số kỹ thuật có thể tương đương, cao hơn so với cấu hình bệnh viện đề xuất, miễn là đáp ứng yêu cầu chuyên môn, bảo đảm chất lượng và sử dụng hiệu quả, an toàn trong thực tế.*

3. Địa điểm giao hàng : Bệnh viện Đa khoa Đức Giang- Số 54 phố Trường Lâm, P. Việt Hưng- TP Hà Nội.

3. Thời gian giao hàng dự kiến : Quý IV/2026

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng : Không tạm ứng; thanh toán theo từng đợt, sau khi thực hiện hợp đồng và đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn!. ✓

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VTTB.


Đỗ Đình Tùng

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

STT	Danh mục vật tư	ĐVT	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật
1	Bộ nẹp vít cột sống rỗng nòng bơm xi măng, bao gồm:			
1.1	Vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng	Cái	200	Loại đa trục: Chất liệu titan hoặc hợp kim titan - Góc xoay thân vít so với trục: $\geq 50^\circ$ - Chiều dài: Trong khoảng từ 25 đến 60mm (Tối thiểu phải có 4 kích cỡ khác nhau) - Thân vít: Rỗng nòng, có tối thiểu 4 lỗ ở thân vít dùng để bơm xi măng + Kiểu ren: Ren kép. - Đường kính ngoài: Có nhiều loại đường kính trong khoảng 4.5mm - 8.5mm (Tối thiểu phải có 4 kích cỡ khác nhau) - Xuất xứ: nhóm các nước G7.
1.2	Vít ốc khoan trong	Cái	200	Chất liệu titanium. - Tương thích với vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng - Xuất xứ: nhóm các nước G7.
1.3	Nẹp dọc dùng trong vít rỗng nòng bơm xi măng	Cái	100	- Chất liệu Titanium. - Nẹp dọc tròn, uốn sẵn, có đường đánh dấu xác định vị trí. - Tương thích với vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng - Xuất xứ: nhóm các nước G7.
1.4	Kim chọc dò đẩy xi măng	Cái	200	Kim chọc dò đẩy xi măng tương thích với vít đa trục bơm xi măng loại rỗng nòng. - Xuất xứ: nhóm các nước G7.
1.5	Xi măng sinh học dùng trong vít rỗng nòng bơm xi măng	Hộp	50	- Xi măng sinh học kèm dung dịch pha gồm: + 01 gói bột xi măng ≥ 20 g. + 10ml dung dịch pha hoặc ≥ 9 g dung dịch pha. - Xi măng có độ nhớt trung bình hoặc độ nhớt cao. - Xuất xứ: Nhóm các nước G7.
2	Keo sinh học dán màng cứng vùng não và cột sống	Tuýp	20	Keo sinh học và màng cứng tự tiêu. Chất liệu: dung dịch ester polyethylene glycol (PEG) kết hợp một số thành phần phụ trợ khác Dùng chuyên trong các phẫu thuật thần kinh. Dung tích: ≥ 4 ml Sản phẩm có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.

STT	Danh mục vật tư	ĐVT	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật
3	Miếng vá tái tạo màng cứng kích cỡ 2,5cm x 2,5cm	Cái	5	Miếng vá tái tạo màng cứng Vật liệu: Ultra Pure Collagen hoặc Poly-L-Lactic Acid và Gelatin hoặc tương đương. Hấp thụ hoàn toàn trong vòng ≤ 12 tháng. Cấu trúc đa hốc. Tự dính, tự tiêu. Kích thước tối thiểu ≥ 2,5cm x 2,5cm. Sử dụng để thay thế, tái tạo màng cứng trong phẫu thuật thần kinh sọ não. Sản phẩm có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.
4	Miếng vá tái tạo màng cứng kích cỡ 6cm x 8cm	Cái	10	Miếng vá tái tạo màng cứng Vật liệu: Ultra Pure Collagen hoặc Poly-L-Lactic Acid và Gelatin hoặc tương đương. Cấu trúc đa hốc. Tự dính, tự tiêu. Kích thước tối thiểu ≥ 6cm x 8cm. Hấp thụ hoàn toàn trong vòng ≤ 12 tháng. Sử dụng để thay thế, tái tạo màng cứng trong phẫu thuật thần kinh sọ não. Sản phẩm có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.
5	Miếng vá tái tạo màng cứng kích cỡ 10cm x 12,5cm	Cái	5	Miếng vá tái tạo màng cứng Vật liệu: Ultra Pure Collagen hoặc Poly-L-Lactic Acid và Gelatin hoặc tương đương. Hấp thụ hoàn toàn trong vòng ≤ 12 tháng. Cấu trúc đa hốc. Tự dính, tự tiêu. Kích thước tối thiểu ≥ 10cm x 12,5cm. Sử dụng để thay thế, tái tạo màng cứng trong phẫu thuật thần kinh sọ não. Sản phẩm có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.
6	Bộ phẫu thuật nội soi cột sống			
6.1	Lưới bảo đầu kim cương	Cái	40	Mũi mài đầu kim cương, đường kính ngoài trong khoảng 3.5mm-4.5mm, chiều dài làm việc trong khoảng 230mm đến 320mm. Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. Sản phẩm được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.
6.2	Lưới bảo rãnh khế	Cái	40	Mũi mài hình rãnh khế loại dùng một lần, đường kính trong khoảng 3.5mm- 4.5mm, chiều dài làm việc trong khoảng 230mm-320mm Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. Sản phẩm được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.
6.3	Lưới đốt bằng sóng RF (đốt điểm)	Cái	40	Đầu đốt sử dụng trong phẫu thuật cột sống bằng sóng RF. Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. Sản phẩm được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.

STT	Danh mục vật tư	ĐVT	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật
6.4	Lưới đốt bằng sóng RF (đốt lan tỏa)	Cái	40	Dao bảo sử dụng trong phẫu thuật cột sống bằng sóng RF. Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. Sản phẩm được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.
6.5	Dây dẫn nước trong nội soi	Cái	40	Đầu vào tối máy bơm là loại sử dụng nhiều lần trong ngày, chiều dài $\geq 2,7m$. Dây nối từ máy bơm tới trocar là loại sử dụng một lần, chiều dài $\geq 3,2m$ - Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485.
7	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ có răng bám dạng nghiêng	Cái	11	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ có răng bám nghiêng, nghiêng góc $\geq 5^\circ$. - Vật liệu : PEEK hoặc tương đương. - Rộng ngang : trong khoảng 14mm đến 15mm. - Chiều sâu : trong khoảng 12mm đến 14mm. - Chiều cao : trong khoảng 4mm đến 10mm, bước nhảy 1mm $\pm 2\%$ - Đóng gói tiệt trùng sẵn. - Cung cấp trợ cụ kèm theo Sản phẩm có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.
8	Hệ thống nẹp vít khóa chỉ dưới			Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Phân biệt trái/phải Có các cỡ từ ≤ 4 lỗ đến ≥ 13 lỗ thân, tăng cỡ 1 lỗ hoặc 2 lỗ Đồng bộ với vít khoá đường kính 5,0 mm; vít khoá rỗng nòng xương xốp đường kính 6,5mm; vít xương cứng đường kính 4,5mm. Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHLW/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc
8.1	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ	Cái	70	Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Có các cỡ từ ≤ 6 lỗ đến ≥ 14 lỗ, tăng cỡ 1 lỗ hoặc 2 lỗ Đồng bộ với vít xương cứng đường kính 4,5mm; vít khóa đường kính 5,0mm.Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHLW/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc
8.2	Nẹp khóa bán rộng thẳng, lỗ kép, có nén ép	Cái	140	Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Có các cỡ từ ≤ 6 lỗ đến ≥ 14 lỗ, tăng cỡ 1 lỗ hoặc 2 lỗ Đồng bộ với vít xương cứng đường kính 4,5mm; vít khóa đường kính 5,0mm.Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHLW/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc
8.3	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ	Cái	100	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi có nén ép: Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Phân biệt trái/phải Có các cỡ: từ ≤ 6 lỗ đến ≥ 13 lỗ thân, tăng cỡ 1 lỗ hoặc 2 lỗ Đồng bộ với vít khóa đường kính 5,0mm; vít xương cứng đường kính 4,5mm. Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHLW/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc

STT	Danh mục vật tư	ĐVT	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật
8.4	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài các loại	Cái	160	Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Phân biệt trái/phải Có các cỡ: từ ≤ 3 lỗ đến ≥ 11 lỗ thân, tăng cỡ 1 lỗ hoặc 2 lỗ Đồng bộ với vít khóa đường kính 5,0mm; vít xương cứng đường kính 4,5mm. Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHLW/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc
8.5	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong các loại	Cái	20	Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Phân biệt trái/phải Có các cỡ: từ ≤ 4 lỗ đến ≥ 8 lỗ thân, tăng cỡ 1 lỗ hoặc 2 lỗ Đồng bộ với vít khóa đường kính 5,0mm và vít xương cứng đường kính 4,5mm. Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Có chứng nhận FDA (Mỹ) hoặc MHLW/PMDA (Nhật Bản) hoặc CE (MDR). Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc
8.6	Nẹp khóa bán hẹp thẳng, có nén ép	Cái	30	Nẹp khóa bán hẹp thẳng, lỗ kép, có nén ép: Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Có các cỡ từ ≤ 6 lỗ đến ≥ 14 lỗ, tăng cỡ 1 lỗ hoặc 2 lỗ Đồng bộ với vít xương cứng đường kính 4,5mm; vít khóa đường kính 5,0mm. Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHLW/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc
8.7	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt ngoài	Cái	30	Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Phân biệt trái/phải Có các cỡ: từ ≤ 6 lỗ đến ≥ 11 lỗ thân, tăng cỡ 1 lỗ hoặc 2 lỗ Đồng bộ với vít khóa đường kính 3,5mm hoặc 5,0mm; vít xương cứng đường kính 3,5mm hoặc 4,5mm. Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHLW/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc
8.8	Nẹp khóa đầu dưới xương mác	Cái	120	Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Phân biệt trái/phải Có các cỡ từ ≤ 4 lỗ đến ≥ 10 lỗ thân, tăng cỡ 1 lỗ hoặc 2 lỗ Đồng bộ với vít khóa đường kính 2,7mm hoặc vít khóa đường kính 3,5mm; vít xương cứng đường kính 3,5mm. Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHLW/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc

STT	Danh mục vật tư	ĐVT	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật
8.9	Vít khóa đường kính 2,7mm (theo nẹp)	Cái	700	Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Tự taro Đường kính vít: 2,7mm Chiều dài các cỡ: từ ≤ 10mm đến ≥ 40mm, tăng cỡ 2mm hoặc 5mm. Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHL W/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc
8.10	Vít khóa đường kính 3,5mm (theo nẹp)	Cái	800	Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Tự taro Đường kính vít: 3,5mm Chiều dài các cỡ: từ ≤ 12mm đến ≥ 60mm, tăng cỡ 2mm hoặc 5mm. Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHL W/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc
8.11	Vít khóa đường kính 5,0mm (theo nẹp)	Cái	4,250	Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Tự taro Đường kính vít: 5,0mm Chiều dài các cỡ: từ ≤ 20mm đến ≥ 80mm, tăng cỡ 2mm hoặc 5mm. Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHL W/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc
8.12	Vít khóa đường kính 6,5mm (theo nẹp)	Cái	250	Vít xương xếp đường kính 6,5mm: Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Đường kính vít: 6,5mm, ren bán phần hoặc toàn phần Chiều dài các cỡ: từ ≤ 40mm đến ≥ 90mm, tăng cỡ 2mm hoặc 5mm. Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHL W/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc
8.13	Vít xương cứng đường kính 4,5mm, tự taro (theo nẹp)	Cái	400	Vít xương cứng đường kính 4,5mm: Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Tự taro Đường kính vít: 4,5mm Chiều dài các cỡ: từ ≤ 22mm đến ≥ 60mm, tăng cỡ 2mm hoặc 5mm. Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHL W/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc

STT	Danh mục vật tư	ĐVT	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật
8.14	Vít xương cứng đường kính 3,5mm, tự taro (theo nếp)	Cái	150	Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Tự taro Đường kính vít: 3,5mm Chiều dài các cỡ: từ ≤ 12mm đến ≥ 50mm, tăng cỡ 2mm hoặc 5mm. Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHLW/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc.
8.15	Vít xương xỏp đường kính 4.0mm	Cái	300	Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Đường kính vít: 4,0mm Chiều dài các cỡ: từ ≤ 14mm đến ≥ 55mm, tăng cỡ 2mm hoặc 5mm.Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHLW/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc
9	Đinh Metaizeau các cỡ	Cái	400	Chất liệu thép không gỉ hoặc Titanium hoặc Titanium Alloy Chiều dài ≥ 400 mm Đường kính ≥ 2.0mm.
10	Bộ dây đo áp lực nội sọ tại nhu mô não	Cái	20	Catheter gắn cảm biến ở đầu Dài đo trong khoảng: giá trị bé nhất ≤ - 10mmHg, giá trị lớn nhất đến ≥ 120mmHg Chốt có vít vặn chặt Vòng nhựa để điều chỉnh độ sâu của chốt Que điều chỉnh độ sâu mũi khoan Que thông (đuôi chọc màng cứng) Sử dụng được với MRI 3 Tesla Tương thích với monitor Nihon Kohden/ Phillips/ GE của bệnh viện hoặc công ty cam kết hỗ trợ Monitor đồng bộ với vật tư trùng thầu trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng (trong trường hợp monitor của bệnh viện không sử dụng được) Sản phẩm có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.
11	Vít xương xỏp đường kính 6.5mm	Cái	150	Chất liệu titanium hoặc tương đương. Đường kính 6.5mm (Sai số ± ≤ 5%). Chiều dài trong khoảng từ 50-80mm. Xuất xứ : Nhóm các nền kinh tế lớn G20.
12	Bộ Đinh nội tủy titan xương chày	Bộ	150	

STT	Danh mục vật tư	ĐVT	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật
12.1	Đỉnh nội tủy titan xương chày	Cái	150	Đỉnh nội tủy rỗng rỗng xương chày có chốt Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan. Đường kính thân có các cỡ từ $\leq 9\text{mm}$ đến $\geq 11\text{mm}$. Chiều dài các cỡ từ $\leq 260\text{mm}$ đến $\geq 340\text{mm}$. Có thiết kế lỗ vít chốt động và lỗ vít chốt tĩnh Kết nối được với khung cố định ngoài xác định chốt đỉnh. Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHLW/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc
12.2	Vít liên khóa cho đỉnh nội tủy titan xương chày	Cái	450	Vít chốt chống xoay cho đỉnh nội tủy rỗng rỗng Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Chiều dài các cỡ từ $\leq 26\text{mm}$ đến $\geq 70\text{mm}$, tăng cỡ 2mm hoặc 5mm Đồng bộ với bộ đỉnh nội tủy rỗng rỗng xương chày. Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHLW/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc
12.3	Vít nắp đỉnh dùng cho Bộ đỉnh nội tủy titan xương chày	Cái	150	Vít nắp đầu đỉnh nội tủy rỗng rỗng xương chày Vật liệu: Titan hoặc hợp kim Titan Đồng bộ với bộ đỉnh nội tủy rỗng rỗng xương chày. Đáp ứng tối thiểu 1 trong 2 tiêu chí sau đây: Tiêu chí 1 : Sản phẩm có chứng nhận CE (MDR) hoặc được FDA (Hoa Kỳ) hoặc MHLW/PMDA (Nhật Bản) cấp phép hoặc chấp thuận lưu hành theo quy định. Tiêu chí 2 : Xuất xứ : Nhóm G7, Liên minh Châu Âu (EU), Úc
13	Nẹp móc xương đòn kèm vít			
13.1	Nẹp khóa titan đầu ngoài xương đòn có móc	Cái	160	Chất liệu nẹp: Titanium hoặc hợp kim Titanium. Nẹp có phần biệt trái/phải. Có từ 03 đến 07 lỗ thân, tương ứng nhiều chiều dài nẹp khác nhau để phù hợp với giải phẫu. Độ dày nẹp: trong khoảng 3 mm đến 5 mm. Bề rộng thân nẹp: trong khoảng 10 mm đến 11 mm. Có thiết kế móc, chiều dài móc trong khoảng 12 mm đến 20 mm. Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. Sản phẩm có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.

STT	Danh mục vật tư	ĐVT	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật
13.2	Vít khóa cho nẹp khóa titan đầu ngoài xương đòn có móc	Cái	800	Vít khóa tự tào: - Chiều dài từ 10mm đến 50mm ,bước tăng 2mm , tương thích với nẹp khóa titan đầu ngoài xương đòn có móc - Chất liệu : Titanium. Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. Sản phẩm có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.
14	Khớp háng toàn phần phần không xi măng chuỗi ngắn, chòm ceramic on ceramic	Bộ	70	1. Cuồng xương đùi: Chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V) hoặc tương đương, được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám. Có ≥ 11 cỡ. Góc cổ-thân trong khoảng 127 độ-132 độ. 2. Đầu xương đùi (Chòm khớp): Chất liệu Ceramic Bioiox Delta hoặc Chất liệu Ceramic (Alumina, zirconia và/hoặc strontium oxide). Đường kính trong khoảng 28mm-40mm 3. Ổ cối: Chất liệu hợp kim titan (Ti6Al4V). Có ≥ 11 cỡ đường kính trong khoảng 44mm-70mm (bước tăng 2mm) 4. Lớp đệm (lớp lót): Chất liệu Ceramic Bioiox Delta hoặc chất liệu Ceramic (Alumina, zirconia và/hoặc strontium oxide). Đường kính trong khoảng 28mm-40 mm 5. Vít ổ cối (Vít xương xốp): Chất liệu Titan hoặc hợp kim titan, đường kính 6.5mm, dài trong khoảng 15mm - 65mm Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. Sản phẩm được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.
15	Bộ khớp háng bán phần phần không xi măng, chuỗi dài	Bộ	300	1. Chòm bán phần: - Chất liệu Cobalt Chrome hoặc Cobalt Chromium Molybdenum, lớp lót chất liệu PE hoặc UHMWPE. - Có vòng khóa trong. - Đường kính ngoài trong khoảng 38mm đến 56mm (bước tăng 1mm) - Đường kính trong trong khoảng 22mm đến 28mm. Có tối thiểu 2 cỡ ≤ 22.2 mm và ≥ 28 mm 2. Chòm xương đùi: Chất liệu Cobalt Chrome hoặc Cobalt Chromium Molybdenum. Cỗ côn: 12/14. - Kích thước ≤ 22.2 mm với nhiều kích cỡ, có ≥ 4 trong khoảng (+0mm đến +12mm). - Kích thước ≥ 28 mm với nhiều kích cỡ, có ≥ 6 trong khoảng (-3mm đến +16mm). 3. Chuôi dài không xi măng: - Chất liệu Titanium hoặc hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V) hoặc (TA6V ELI), phun Titanium Plasma nhám hoặc phủ HA toàn bộ chuôi - Góc cổ thân $\geq 125^\circ$; Cỗ côn: 12/14. - Chuôi có tối thiểu 7 cỡ đường kính đầu xa trong khoảng 11mm đến 18mm, dài ≥ 170 mm. Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. Sản phẩm có chứng nhận CE và được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.

STT	Danh mục vật tư	ĐVT	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật
16	Bộ nội soi khớp gối tái tạo dây chằng chéo kỹ thuật all inside		50	
16.1	Dây nước trong phẫu thuật nội soi chạy bằng máy	Cái	50	Đóng gói tiệt trùng. Có 1 đường dẫn vào với 1 đường ống hút ra. Tổng chiều dài dây dẫn $\geq 4.8m$. Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. Sản phẩm có chứng nhận CE và được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.
16.2	Đầu đốt cao tần cầm máu cho nội soi khớp và điều trị viêm gân	Cái	50	Đầu đốt cong $\leq 90^\circ$. Điều khiển bằng nút bấm trên tay cầm - Có chức năng hút nước - Đường kính mũi $\geq 3.75mm$ - Đường kính phân thân $\geq 3.75mm$ - Chiều dài làm việc $\geq 130mm$. Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. Sản phẩm có chứng nhận CE và được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.
16.3	Lưỡi bảo khớp	Cái	50	Chiều dài làm việc $\geq 130mm$ Đường kính: (3.0-3.8)mm; (4.0-4.5)mm; (4.8-5.5)mm Có 2 chế độ cắt dao động. Đóng gói tiệt trùng Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. Sản phẩm có chứng nhận CE và được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.
16.4	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân	Cái	100	Vít treo bằng Titanium hoặc hợp kim Titanium; Kích thước: vít treo dài $\geq 12mm$; rộng $\geq 3.4mm$; cao $\geq 1.5mm$; Vòng treo bằng chỉ siêu bền chất liệu UHMWPE hoặc tương đương. Có thể điều chỉnh chiều dài vòng treo trong khoảng 11mm đến 60mm. Khả năng chịu lực tối đa lên tới $\geq 900N$. Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. Sản phẩm có chứng nhận CE và được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.
16.5	Mũi khoan đường hầm tự động điều chỉnh	Cái	50	Mũi khoan sử dụng trong kỹ thuật All-inside tái tạo dây chằng chéo. - Dạng thẳng, mũi khoan được dùng để tạo lỗ khoan dẫn đường từ 3.5mm đến 5mm - Dạng mở lưới khoan tạo ≥ 11 cỡ đường hầm đường kính điều chỉnh trong khoảng 5mm đến 12mm Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. Sản phẩm có chứng nhận CE và được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.

STT	Danh mục vật tư	ĐVT	Số lượng	Cấu hình, thông số kỹ thuật
16.6	Chỉ khâu siêu bền dùng trong phẫu thuật chính hình	Cái	50	Chỉ siêu bền số 2 liên kim. Chất liệu UHMW - Polyethylene. Chỉ được bên và không tiêu. Độ dài chỉ ≥ 38 Inch. Kim hình dạng 1/2 vòng tròn (hình bán nguyệt) Đã tiệt trùng Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485. Sản phẩm có chứng nhận CE và được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định.

Tên công ty báo giá

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi :{ Ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá }

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau :

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan :

STT	Danh mục thiết bị y tế	Cấu hình kĩ thuật báo giá	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VND- đã bao gồm Thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền (VND- đã bao gồm Thuế, phí, lệ phí (nếu có))
1	Thiết bị A								
2	Thiết bị B								
n	...								

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày ...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

BẢNG ĐÁP ỨNG VỀ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA

Kính gửi :{ Ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá }

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau :

STT	Danh mục thiết bị y tế	Cấu hình kỹ thuật bệnh viện yêu cầu	Cấu hình kỹ thuật công ty báo giá	Nội dung tham chiếu tại tài liệu gốc của sản phẩm (Catalogue/HDSĐ trang...)	Công ty tự đánh giá	Ghi rõ điểm không đáp ứng/ Tương đương/ Tốt hơn (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
STT trên báo giá	Tên chính xác theo yêu cầu báo giá				Đáp ứng/ Không đáp ứng - Tương đương/ Tốt hơn	
2						

Ghi chú:

Nhà cung cấp mô tả thông số kỹ thuật của hàng hóa chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn của bệnh viện yêu cầu hoặc có cấu hình tương đương. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà cung cấp có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu.

Nội hàm tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:

- Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn
- Tương đương về chất lượng hình ảnh, độ chính xác màu sắc và góc nhìn.
- Tương đương về tính chất cơ khí và thuộc tính vật lý của vật liệu.
- Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng
- Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra.
- Tương đương về giá trị đo; độ chính xác kết quả đo;
- Tương đương về hàm lượng, nồng độ, tính chất
- Các yếu tố tương đương khác (nếu có)

